



běn jiǎ quán

苯 甲 醛

noun · benzaldehyde

Example Sentence

běn jiǎ quán shì yī zhǒng cháng jiàn de fāng xiāng huà hé wù
苯 甲 醛 是 一 种 常 见 的 芳 香 化 合 物。

Benzaldehyde is a common aromatic compound.

Trace each character, then write the word on your own.

苯 苯 苯 苯 苯 苯 苯 苯 苯 苯 苯

甲 甲 甲 甲 甲 甲 甲 甲

醛 醛 醛 醛 醛 醛 醛 醛 醛 醛 醛